

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm). Chọn câu trả lời đúng nhất:

Câu 1. Một cửa hàng có 10 túi gạo, mỗi túi nặng 2 kg. Sau đó thêm vào mỗi túi 1 lạng gạo. Khối lượng tổng cộng của 10 túi gạo lúc này là:

- A. 21 kg B. 21 kg 10 lạng C. 22 kg D. 22 kg 1 kg

Câu 2. Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?

- A. Đun nóng đường tới lúc xuất hiện màu đen.
B. Cô cạn nước đường thành đường.
C. Hòa tan đường vào nước.
D. Đun nóng đường ở thể rắn để đường chuyển sang đường ở thể lỏng.

Câu 3. Để phân biệt 2 chất khí là oxygen và carbon dioxide, em nên lựa chọn cách nào dưới đây?

- A. Ngửi mùi của hai khí đó.
B. Quan sát màu sắc của hai khí đó.
C. Hòa tan hai khí vào nước.
D. Dẫn khí vào từng cây nến đang cháy, khí nào làm nến cháy tiếp thì đó là oxygen, khí làm tắt nến là carbon dioxide.

Câu 4. Nhà máy sản xuất rượu vang dùng quả nho để lên men. Vậy nho là:

- A. Vật liệu. B. Nhiên liệu. C. Nguyên liệu. D. Khoáng sản

Câu 5. Cây trồng nào sau đây **không** được xem là cây lương thực?

- A. Lúa mạch. B. Ngô. C. Mía. D. Lúa.

Câu 6. Nguyên nhân khiến thực phẩm bị biến đổi tính chất (màu sắc, mùi vị, giá trị dinh dưỡng)?

- A. Để lâu ngoài không khí. B. Trộn lẫn các loại thực phẩm với nhau.
C. Bảo quản thực phẩm không đúng cách. D. Cả 3 nguyên nhân trên

Câu 7. Chất nào sau đây là chất tinh khiết?

- A. Nước khoáng B. Nước cất C. Nước biển D. Nước ao

Câu 8. Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được:

- A. Huyền phù B. Nhũ tương. C. Dung dịch. D. Dung môi.

Câu 9. Khi hòa tan muối vào trong cốc nước thì muối đóng vai trò gì ?

- A. Chất bão hòa. B. Dung môi. C. Chất tan. D. Chất bảo quản.

Câu 10. Trong máy lọc nước có nhiều lõi lọc khác nhau. Trong đó, có một lõi làm bằng bông được ép rất chặt. Theo em, lõi bông đó có tác dụng gì?

- A. Lọc chất không tan trong nước. B. Lọc chất tan trong nước.
C. Lọc và giữ lại khoáng chất. D. Lọc hoá chất độc hại.

Câu 11. Thành phần nào có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?

- A. Màng tế bào. B. Lục lạp. C. Nhân. D. Chất tế bào.

Câu 12. Đặc điểm của tế bào nhân thực là:

- A. Có thành tế bào. B. Có chất tế bào.
C. Có màng nhân bao bọc vật chất di truyền. D. Có lục lạp.

Câu 13. Một học sinh quan sát một lát mô thực vật dưới kính hiển vi và nhận thấy có các bào quan xanh, hình dạng đa giác và chứa chất diệp lục. Hãy cho biết bào quan đó có vai trò gì:

- A. Lưu trữ chất dự trữ cho tế bào. B. Thực hiện chức năng quang hợp.
C. Tiêu hóa các chất thải trong tế bào. D. Điều khiển mọi hoạt động của tế bào.

Câu 14. Cơ thể nào sau đây là cơ thể đơn bào?

- A. Con chó. B. Con cua. C. Con ốc sên. D. Trùng biến hình.

Câu 15. Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm?

- A. Hệ rễ và hệ thân B. Hệ chồi và hệ rễ C. Hệ thân và hệ lá D. Hệ cơ và hệ thân

Câu 16. Khi xây dựng khóa lưỡng phân, người ta cần làm gì đầu tiên?

- A. Xác định những đặc điểm giống nhau B. Xác định những đặc điểm đặc trưng đối lập
C. Xác định tỉ lệ được: cái D. Xác định mật độ cá thể của quần thể

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm) .

- a) Em hãy cho biết Oxygen có vai trò và tính chất gì ?
b) Một số hộ gia đình ở nông thôn thường sử dụng bếp củi để đun nấu hàng ngày. Khi lửa sắp tàn, người ta cho thêm củi vào thổi hoặc quạt vào bếp thì ngọn lửa cháy bùng lên. Em hãy giải thích cách làm đó?

Câu 2 (2.0 điểm)

- a) Em hãy nêu các phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp?
b) Có một hỗn hợp gồm: “**Muối và cát** ”. Bằng các phương pháp tách chất mà em đã học hãy làm thế nào để tách riêng muối và cát ra khỏi hỗn hợp?

Câu 3 (2.0 điểm)

- a) Nêu cấu tạo và chức năng mỗi thành phần chính của tế bào?
b) Từ 2 tế bào, trải qua 6 lần phân chia liên tiếp tạo ra các tế bào con. Hãy tính số tế bào con được tạo ra?

-----**HẾT**-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM KHTN 6

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐA	A	D	D	C	C	D	B	A	C	A	B	C	B	D	B	B

II. TỰ LUẬN

Câu 1 (2 đ) a. Tính chất và vai trò của Oxygen: - Oxygen là chất khí không màu, không mùi, nặng hơn không khí, tan ít trong nước - Oxygen duy trì sự cháy và sự sống. b. Thêm củi là thêm nhiên liệu, thổi hoặc quạt là tăng hàm lượng khí Oxygen để duy trì sự cháy	0.5 đ 0.5 đ 1.0 đ
Câu 2 (2 đ) a. Có 3 phương pháp tách chất: + Phương pháp lọc: dùng để tách các <u>chất rắn không tan</u> ra khỏi hỗn hợp <u>lỏng</u> + Phương pháp cô cạn : dùng để tách các <u>chất rắn tan</u> ra khỏi dung dịch hỗn hợp <u>lỏng</u> + Phương pháp chiết: dùng để tách các <u>chất lỏng</u> ra khỏi hỗn hợp <u>lỏng không đồng nhất</u> b. Cho hỗn hợp vào cốc nước khuấy đều - Dùng phương pháp lọc ta thu được cát và hỗn hợp nước muối - Còn lại hỗn hợp nước muối ta thu dùng phương pháp cô cạn thu được muối	0.5đ 0.5đ 0.5đ 0.25đ 0.25đ
Câu 3 (2.0 đ) - Tế bào được cấu tạo từ 3 thành phần chính: + Màng tế bào: bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào + Chất tế bào: là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào + Nhân tế bào (ở tế bào nhân thực), hoặc vùng nhân (ở tế bào nhân sơ): điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào. - Số tế bào con được tạo ra là : $2 \cdot 2^6 = 128$ (tế bào con)	0.5 đ 0.5 đ 0.5 đ 0.5 đ

**UBND PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH**

**KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 2025 – 2026**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
Môn: Khoa học tự nhiên 6**

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra cuối học kì 1
- Thời gian làm bài: 90 phút.
 - Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
 - Cấu trúc:
 - + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - + Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, gồm 16 câu hỏi (ở mức độ nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 4 câu, vận dụng cao: 4 câu)
 - + Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 2 điểm, Thông hiểu: 2 điểm; Vận dụng: 2 điểm)

Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng		Tỉ lệ % điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Mở đầu	Bài 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên											
	Bài 2: Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên											
	Bài 3: Quy định an toàn trong phòng thực hành.											
	Giới thiệu một số dụng cụ đo											
1	Bài 4: Đo chiều dài					1				1		2.5
	Bài 5: Đo khối lượng											
	Bài 6: Đo thời gian.											
	Bài 7: Đo nhiệt độ											
2	Bài 8: Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất - Tính chất của chất			1						1		2.5
3	Bài 9: Oxygen		1 ý (1đ)						1 ý (1đ)		1(2 ý)	20
	Bài 10: Không khí và bảo vệ môi trường không khí					1				1		2.5

4	Bài 11: Một số vật liệu thông dụng											
	Bài 12: Nhiên liệu và an ninh năng lượng											
	Bài 13: Một số nguyên liệu	1								1		2.5
	Bài 14: Một số lương thực- thực phẩm.	1		1						2		5.0
5	Bài 15: Chất tinh khiết- Hỗn hợp.	1		2						3		7.5
	Bài 16: Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp		1 ý (1đ)		1 ý (1đ)	1				1	1(2 ý)	22.5
6	Bài 17: Tế bào	2			2 ý (1đ)	1	1 ý (1đ)			3	1(3 ý)	27.5
7	Bài 19: Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào	1								1		2.5
	Bài 20: Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào	1								1		2.5
8	Bài 22: Phân loại thế giới sống	1								1		2.5
	Bài 24: Virus											
Tổng số câu		8	2 ý	4	3 ý	4	1 ý	0	1 ý	16	7 ý	10
Tổng số điểm		4.0		3.0		2.0		1.0		10.0		10.0
Tỉ lệ %		40		30		20		10		10		100

**UBND PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH**

**KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 2025 – 2026**

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Môn: Khoa học tự nhiên

Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Biết, Hiểu, Vận dụng)	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
			(Số ý)	(Số câu)	(ý số)	(Câu số)
MỞ ĐẦU	Bài 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên	Nhận biết: - Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên - Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
	Bài 2: Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên	Thông hiểu: - Phân biệt được các lĩnh vực khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. - Phân biệt được vật sống và vật không sống dựa vào các đặc điểm đặc trưng.				
	Bài 3: Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo	Nhận biết: - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...). - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học Thông hiểu: - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng				

		thực hành.				
1	Bài 4: Đo chiều dài	Nhận biết: - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. Thông hiểu: - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về kích thước các vật. - Xác định được tầm quan trọng của việc ước lượng chiều dài trước khi đo; - Ước lượng được chiều dài của vật trong một số trường hợp đơn giản Vận dụng: - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước. - Chỉ ra được một số thao tác sai khi đo chiều dài bằng thước và nêu được cách khắc phục thao tác sai đó. - Đo được chiều dài của một vật bằng thước Vận dụng cao: - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,..				
	Bài 5: Đo khối lượng	Vận dụng: - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân. - Dùng cân để chỉ ra được một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục thao tác sai đó. - Đo được khối lượng của một vật bằng cân.		1		Câu 1
	Bài 6: Đo thời gian.	Nhận biết: - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.				

		- Ước lượng được thời gian của vật trong một số trường hợp đơn giản. Thông hiểu: - Xác định được tầm quan trọng của việc ước lượng thời gian trước khi đo. Vận dụng: - Chỉ ra được một số thao tác sai khi đo chiều dài bằng đồng hồ và nêu được cách khắc phục thao tác sai đó. - Đo được thời gian của một hoạt động bằng đồng hồ.				
	Bài 7: Thang đo nhiệt độ Celsius. Đo nhiệt độ	Nhận biết: - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. Thông hiểu: - Xác định được tầm quan trọng của việc nhiệt độ thời gian trước khi đo. - Ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về nhiệt độ các vật. Vận dụng: - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế. Vận dụng cao: - Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại.				
2	Bài 8: Sự đa dạng và các thể cơ bản của	Thông hiểu:		1		Câu 2

	chất - Tính chất của chất	- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn, lỏng, khí thông qua quan sát. - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.				
3	Bài 9: Oxygen	Nhận biết: - Nêu được một số tính chất của oxygen - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. Vận dụng cao: - Vận dụng vào thực tế 1 về quá trình duy trì sự cháy của Oxygen	1	1	Câu 1	Câu 3
	Bài 10: Không khí và bảo vệ môi trường không khí	Nhận biết: - Nêu được thành phần của không khí. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. Thông hiểu: - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm Vận dụng cao: - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích oxygen trong không khí.				
4	Bài 11: Một số vật liệu thông dụng	Nhận biết: - Nêu được cách sử dụng của một số vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. Thông hiểu: - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng. Vận dụng:				

		- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số vật liệu thông dụng. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu				
	Bài 12: Nhiên liệu và an ninh năng lượng	Nhận biết: - Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. Thông hiểu: - Trình bày được tính chất của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống hàng ngày. Vận dụng: - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nhiên liệu. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu				
	Bài 13: Một số nguyên liệu	Nhận biết: - Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. Thông hiểu: - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất, công nghiệp (quặng, đá vôi,...) Vận dụng: - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nguyên liệu. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nguyên liệu		1		Câu 4
	Bài 14: Một số lương thực và thực phẩm	Thông hiểu: - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực thực phẩm trong cuộc sống. Vận dụng:		2		Câu 5 Câu 6

		- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số lương thực – thực phẩm. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.				
5	Bài 15: Chất tinh khiết	Nhận biết: - Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết. - Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch, một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước. Thông hiểu: - Phân biệt hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. - Phân biệt được dung môi và dung dịch Vận dụng: - Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì? Vận dụng cao: - Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.		2		Câu 7 Câu 8 Câu 9
	Bài 16: Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp	Thông hiểu: - Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn. Vận dụng: - Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. Vận dụng cao:	1	1	Câu 2	Câu 10

		- Ứng dụng phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.				
6	Bài 17: Tế bào	Nhận biết: - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. Thông hiểu: - Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào). - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào Vận dụng: - Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.	1	3	Câu 3	Câu 11 Câu 12 Câu 13
7	Bài 19: Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào	Nhận biết: - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa		1		Câu 14
	Bài 20: Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào	Nhận biết: - Nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể Thông hiểu: - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể - Trình bày được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan, và cơ thể. - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa Vận dụng		1		Câu 15

		- Thực hành: + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người. Vận dụng cao: - Liên hệ kiến thức về tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan để giải thích hiện tượng thực tế.				
8	Bài 22: Phân loại thế giới sống	Nhận biết: - Nhận biết được cách gọi tên sinh vật. Thông hiểu: - Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. - Phân biệt được các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. - Nhận biết được năm giới sinh vật và lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới. - Nhận biết cách xây dựng khóa lưỡng phân thông qua ví dụ - Lấy ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng môi trường sống. Vận dụng: - Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.		1		Câu 16
	Bài 24: Virus	Nhận biết: - Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. Thông hiểu: - Mô tả hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền, lớp vỏ protein). - Nêu được vai trò của virus trong thực tiễn. - Trình bày được một số bệnh do virus gây ra.				

		- Nêu được một số biện pháp phòng chống bệnh do virus gây ra. - Nhân dạng được virus chưa có cấu tạo tế bào. Vận dụng: - Vận dụng được hiểu biết về virus vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn. Vận dụng cao: - Biết cách làm sữa chua,				
TỔNG SỐ CÂU			3	16	3	16
TỔNG SỐ ĐIỂM			6	4	6	4
TỈ LỆ %			60	40	60	40